TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 41/2024/HNGĐ - ST Ngày 21/6/2024 V/v: "tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Tòng Văn Hưng
Bà Vì Thị Xôm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc: tranh chấp về ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị S, sinh năm 1997.
Nơi cư trú: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1995.
Nơi cư trú: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn T kết hôn với nhau vào ngày 19/5/2015, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị S và anh T kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc.

Quá trình chung sống đến tháng 5 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không được giải quyết và ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị S khai, chị và anh T có 01 con chung là Lò Hoàng T1, sinh ngày 19/3/2013. Quan điểm của chị S , con chung sẽ do chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản:

Tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thụ lý vụ án và tống đạt thông báo thụ lý, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị S cho anh T biết để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh T không gửi ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị S vẫn giữ nguyên quan điểm theo nội dung đơn khởi kiện, xin được ly hôn với anh T và đề nghị Toà án giải quyết về con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại buổi hòa giải và tại phiên tòa, vi phạm các Điều 70; 72/BLTTDS.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81 Điều 82; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị S. Giao con chung Lò Hoàng Tú, sinh ngày 19/3/2013 cho chị S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị Lò Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn T. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Anh T cư trú tại Bản , xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, Tòa án mở phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, Tòa án mở phiên tòa, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T .

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lò Văn T và chị Lò Thị S kết hôn vào ngày 19/5/2015, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã , huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh T và chị S kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị S là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị S khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được gia đình hoà giải nhiều nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị S cho anh T biết để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh T không gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa án. thể hiện anh T không có thiện trí hoà giải. Tại biên bản xác minh ngày 10/5/2024, mẹ đẻ anh T cung cấp. Anh T và chị S chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2023 thì anh T ham chơi điện thoại nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn tuy nhiên gia đình mong muốn 2 con quay về đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa anh T và chị S là có thật, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị S .

[2.2]. Về con chung: Chị S khai, chị và anh T có 01 con chung là Lò Hoàng Tú, sinh ngày 19/3/2013. Nguyện vọng của chị S xin được trực tiếp chăm sóc con chung. Con chung cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị S ngoài làm nông nghiệp còn đi làm thuê để có thêm thu nhập. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho con chung và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận sự nguyện vọng của chị S . Giao con chung cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế khó khăn, chị S có đơn đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58 Điều 81 Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị S được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Chị Lò Thị S được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Lò Hoàng T1, sinh ngày 19/3/2013 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng: Không yêu cầu Tòa án quyết

4. Về án phí: Chị Lò Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Lò Thị S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/6/2024). Anh Lò Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- UBND xã Hẹ Muông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Dương